

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

&&&

Bản án số: 116/2024/DS-ST

Ngày: 5/7/2024

“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Duy Loan.

2. Bà Huỳnh Khiết Như.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễm, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 02 và 05 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2024/QĐST-DS ngày 12/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1962

Địa chỉ: **Số E, ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1975, địa chỉ: **ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng** (theo Giấy ủy quyền ngày 29/12/2023, ông **H** có mặt).

- Bị đơn: **Nguyễn Thị Bé N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: **ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2024, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị V** trình bày: Nguyên ngày 19/10/2020, bà **Nguyễn Thị Bé N** có vay của bà là 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*) lãi suất 3%/tháng, việc vay tiền có làm biên nhận. Sau khi vay tiền bà **Bé N** có đóng lãi cho bà **V** được 10.000.000 đồng và từ tháng thứ 3 trở đi bà N mỗi tháng chỉ trả tiền lãi cho bà **V** 500.000 đồng và trả tới ngày 19/01/2022 thì ngưng, thời gian và số tiền đóng lãi cụ thể như sau: Ngày đóng lãi đầu là 19/11/2020, bà **Bé N** đóng 10.000.000

đồng và nói gửi đóng luôn 02 tháng; từ ngày 19/01/2021 bà **Bé N** đóng mỗi tháng 500.000 đồng, đóng được 12 tháng (tức là đến ngày 19/01/2022). Như vậy số lãi bà **Bé N** đóng cho bà **V** tổng cộng là: $10.000.000 \text{ đồng} + 12 \text{ tháng} \times 500.000 \text{đ/tháng} = 16.000.000 \text{đ}$ (Mười sáu triệu). Nay bà **V** tính lãi suất 1,6%/tháng như sau: Từ ngày 19/10/2020 đến ngày 19/01/2024 là 39 tháng $\times 1,6\%/tháng \times 220.000.000 \text{ đồng} = 137.280.000 \text{ đồng}$. Bà **Bé N** đóng lãi được 16.000.000 đồng. Như vậy số lãi bà **Bé N** còn nợ bà **V** $137.280.000 \text{ đồng} - 16.000.000 \text{ đồng} = 121.280.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn lãi $220.000.000 \text{ đồng} + 121.280.000 \text{ đồng} = 341.280.000 \text{ đồng}$ (Ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Nay bà **V** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Nguyễn Thị Bé N** phải trả tiền cho bà tổng số tiền 341.280.000 đồng, trong đó tiền vốn 220.000.000 đồng và lãi là 121.280.000 đồng và đề nghị tiếp tục tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn bà **Nguyễn Thị Bé N** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 19/01/2024 và lãi trong giai đoạn thi hành án. Việc thay đổi là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án chấp nhận.

[3] Trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, các đương sự không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Bà **Nguyễn Thị V** và bà **Nguyễn Thị Bé N** có giao kết hợp đồng vay tài sản. Nay các bên phát sinh tranh chấp, các đương sự cùng cư trú tại **huyện K** nên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Ngày 19/10/2020, bà **Nguyễn Thị Bé N** có vay của bà **Nguyễn Thị V** 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, khi vay tiền bà **N** có làm cam kết. Sau khi vay bà **N** có đóng lãi đến ngày 19/01/2022 với số tiền 16.000.000đ đồng thì ngưng, không trả vốn. Nay bà **V** yêu cầu bà **N** trả vốn và lãi từ ngày 19/10/2020 cho đến 19/01/2024, mức lãi suất 1,6%/tháng. Bà

N không có ý kiến. Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình giao kết hợp đồng vay tài sản, phía bà **N** là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà **N** phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã vay cho bà **V** theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Theo cam kết của bà **N** thì các bên có thỏa thuận lãi suất. Bà **V** yêu cầu bà **N** trả lãi với mức lãi suất 1,6% với số tiền lãi còn lại 121.280.000 đồng (đã trừ 16.000.000 đồng bà **N** đã đóng cho bà **V**) như bà **V** yêu cầu là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, bà **N** có trách nhiệm trả cho bà **V** vốn lãi là 341.280.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **N** phải chịu án phí là 17.064.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà **Nguyễn Thị V** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Buộc bà **Nguyễn Thị Bé N** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị V** số tiền vốn vay 220.000.000 đồng và tiền lãi 121.280.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 341.280.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

2/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm: **Nguyễn Thị Bé N** phải chịu án phí là 17.064.000 đồng (*Mười bảy triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*).

Bà **Nguyễn Thị V** được miễn tạm ứng án phí, án phí.

4/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo

được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Thạch Viết Tâm